

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Vĩnh Linh)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	227,570.00	TỔNG SỐ CHI	227,570.00
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	312.00	I. Chi đầu tư phát triển	0.00
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	3,940.00	II. Chi thường xuyên	202,668.00
III. Thu bổ sung	223,318.00	III. Dự phòng	6,085.00
- Bổ sung cân đối	204,127.00	IV. Chi bổ sung có mục tiêu	16,871.00
- Bổ sung có mục tiêu	19,191.00	V. Chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách tỉnh	1,946.00
IV. Thu chuyển nguồn		VI. Chi từ nguồn chuyển nhiệm vụ	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Vĩnh Linh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG SỐ THU	230,214.00	227,570.00
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	312.00	312.00
1	Phí, lệ phí	182.00	182.00
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	130.00	130.00
3	Thu khác		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	6,584.00	3,940.00
1	Lệ phí trước bạ nhà đất	729.00	510.30
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	340.00	340.00
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Lệ phí môn bài, thuế GTGT)	2,425.00	1,321.50
4	Thuế TNCN	3,090.00	1,768.20
III	Thu chuyển nguồn		
IV	Thu kết dư năm trước chuyển sang		
V	Thu bổ sung	223,318.00	223,318.00
	- Bổ sung cân đối	204,127.00	204,127.00
	- Bổ sung có mục tiêu	19,191.00	19,191.00

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Vĩnh Linh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	4	5	6
	TỔNG CHI	227,570.00		227,570.00
I	Tổng chi cân đối	208,753.00		208,753.00
1	Chi sự nghiệp giáo dục	105,647.00		105,647.00
2	Chi văn hóa thông tin, TDTT	1,793.99		1,793.99
3	Chi hoạt động kinh tế	3,296.95		3,296.95
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3,552.00		3,552.00
5	Chi Khoa học và công nghệ	0.00		
6	Chi sự nghiệp y tế, dân số	1,501.28		1,501.28
7	Chi sự nghiệp phát thanh	1,954.53		1,954.53
8	Chi hoạt động quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	46,837.01		46,837.01
9	Chi đảm bảo xã hội	33,911.12		33,911.12
10	Chi khác	1,406.96		1,406.96
11	Chi Quốc phòng	2,155.05		2,155.05
12	Chi an ninh	430.00		430.00

13	Tiết kiệm 10%	182.11		182.11
14	Dự phòng	6,085.00		6,085.00
II	Chi từ nguồn bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	16,871.00		16,871.00
III	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	1,946.00		1,946.00
IV	Chi từ nguồn thu chuyển nhiệm vụ	0		